TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **271**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 65/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông **Vũ Ngọc Thanh T**, ngày sinh: 29/01/1987.

Số CCCD: 079087008xxx ngày cấp: 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: 2695/39A Phạm Thế H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Hà Tiểu P**, ngày sinh: 04/06/1993.

Số CCCD: 079193003xxx, ngày cấp: 06/08/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: 2695/39A Phạm Thế H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 01 năm 2026, ông Vũ Ngọc Thanh T và bà Hà Tiểu P thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc Thanh T và bà Hà Tiểu P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số T, đăng ký ngày 11/02/2023 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận C (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, ông Vũ Ngọc Thanh T và bà Hà Tiểu P có 02 con chung là trẻ Vũ Huy H, sinh ngày: 25/3/2023 và trẻ Vũ Thanh H, sinh ngày: 19/7/2019. Sau khi ly hôn ông T và bà P cùng thống nhất: Giao trẻ Vũ Huy H, sinh ngày: 25/3/2023 cho bà Hà Tiểu P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Vũ Ngọc Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Vũ Thanh H, sinh ngày: 19/7/2019. Ghi nhận việc ông Vũ Ngọc Thanh T và bà Hà Tiểu P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Những vấn đề khác yêu cầu Tòa án công nhận: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Ngọc Thanh T và bà Hà Tiểu P phải chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Vũ Ngọc Thanh T và bà Hà Tiểu P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E/0056270 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ Ngọc Thanh T và bà Hà Tiểu P đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV10-Tp. HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

2 000024 567204

Trần Thị Thanh Huyền